CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI TARA VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI TARA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM TARA TRADING & INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETNAM TARA T& I CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108651550

3. Ngày thành lập: 18/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8, Ngõ 27, Phố Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0986196068* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
2.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
3.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
4.	Xây dựng công trình điện	*4221*
5.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
6.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
7.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
8.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
9.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
10.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
12.	Phá dỡ	*4311*
13.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
14.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
19.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4511*
20.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	*4512*

21.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4513*
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4530*
23.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
24.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	*4610*
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	*4620*
28.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
29.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
30.	Bán buôn đồ uống	*4633*
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
37.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bản lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4773*
41.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	*4784*

42.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ	*4789*
43.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	*4932*
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
45.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
47.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	*5229*
49.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	*7110*
50.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Quản lý vận hành nhà chung cư	*6820*
51.	Đại lý du lịch	*7911*
52.	Điều hành tua du lịch	*7912*
53.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
54.	Quảng cáo	*7310*
55.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
56.	Cho thuê xe có động cơ	*7710(Chính)*
57.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
58.	Giáo dục nhà trẻ	*8511*
59.	Giáo dục mẫu giáo	*8512*

60.	Giáo dục tiểu học	*8521*
61.	Giáo dục trung học cơ sở	*8522*
62.	Giáo dục trung học phổ thông	*8523*
63.	Đào tạo sơ cấp	*8531*
64.	Đào tạo trung cấp	*8532*
65.	Đào tạo cao đẳng	*8533*
66.	Đào tạo đại học	*8541*
67.	Đào tạo thạc sỹ	*8542*
68.	Đào tạo tiến sỹ	*8543*
69.	Giáo dục thể thao và giải trí	*8551*
70.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	*8552*
71.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ Dạy về tôn giáo, Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	*8559*
72.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	*8299*
74.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ xoa bóp (massage) - Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	*9610*

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	3 Ngách 23/2 Ngõ 23 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001185026652	
2	TRẦN THỊ THU HẰNG	Tổ dân phố Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	011830664	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: TRẦN THỊ THU HẰNG Giới tính: *Nữ*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *17/02/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *011830664*
Ngày cấp: *04/03/2010* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội